

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh (%)
A	B	1	2	3	4
A	Ngân sách cấp Thành phố				
I	Nguồn thu ngân sách thành phố	76.793.700	142.304.734	82.048.679	57,66%
	<i>Nguồn thu ngân sách (nếu không tính thu chuyển nguồn và kết dư)</i>	<i>69.813.369</i>	<i>66.787.745</i>	<i>76.135.852</i>	<i>114,00%</i>
1	Thu ngân sách cấp Thành phố hưởng theo phân cấp	66.321.119	63.295.495	67.442.707	106,55%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.492.250	3.492.250	8.693.145	248,93%
-	<i>Thu bổ sung cân đối</i>				
-	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	3.492.250	3.492.250	8.693.145	248,93%
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
4	Thu kết dư năm 2018 chuyển sang		48.221.181		
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	6.980.331	27.295.808	5.912.827	21,66%
	<i>Trong đó: Thu Nguồn CCTL đưa vào cân đối chi TX</i>	<i>6.980.331</i>	<i>6.980.331</i>	<i>5.912.827</i>	<i>84,71%</i>
II	Chi ngân sách cấp Thành phố	80.350.300	69.235.205	92.535.879	115,17%
	<i>Nếu không tính kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03 (1)</i>	<i>78.396.028</i>	<i>67.258.214</i>	<i>91.173.019</i>	<i>116,30%</i>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp Thành phố	61.369.301	46.055.887	73.695.808	120,09%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	18.980.999	23.179.318	18.840.071	99,26%
-	<i>Chi bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>11.836.843</i>	<i>11.836.843</i>	<i>11.836.843</i>	<i>100,00%</i>
-	<i>Chi bổ sung có mục tiêu cân đối tăng thêm</i>	<i>7.119.051</i>	<i>7.119.051</i>	<i>6.972.037</i>	<i>97,93%</i>
-	<i>Chi bổ sung có mục tiêu</i>	<i>25.105</i>	<i>4.223.424</i>	<i>31.191</i>	<i>124,24%</i>
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
III	Bộ chi ngân sách địa phương	3.556.600		10.487.200	294,87%
B	Ngân sách Huyện				
I	Nguồn thu ngân sách	27.500.804	42.008.760	28.352.251	67,49%
	<i>Nguồn thu ngân sách (nếu không tính thu chuyển nguồn và kết dư)</i>	<i>26.910.394</i>	<i>30.884.816</i>	<i>26.885.324</i>	<i>87,05%</i>
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	7.929.395	7.705.498	8.045.253	104,41%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	18.980.999	23.179.318	18.840.071	81,28%
-	<i>Thu bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>11.836.843</i>	<i>11.836.843</i>	<i>11.836.843</i>	<i>100,00%</i>
-	<i>Thu bổ sung cân đối tăng thêm</i>	<i>7.119.051</i>	<i>7.119.051</i>	<i>6.972.037</i>	<i>97,93%</i>
-	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	<i>25.105</i>	<i>4.223.424</i>	<i>31.191</i>	<i>0,74%</i>
3	Thu kết dư năm 2018 chuyển sang		9.032.487		
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	590.410	2.091.457	1.466.927	70,14%
	<i>Trong đó: Nguồn CCTL của NSQH đưa vào cân đối chi thường xuyên</i>	<i>590.410</i>	<i>590.410</i>	<i>1.466.927</i>	<i>248,46%</i>
II	Chi ngân sách	27.500.804	31.661.883	28.352.251	103,10%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	23.927.463	28.088.542	24.752.984	103,45%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	3.573.341	3.573.341	3.599.267	100,73%
-	<i>Chi bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>2.570.300</i>	<i>2.570.300</i>	<i>2.570.300</i>	<i>100,00%</i>
-	<i>Chi bổ sung cân đối tăng thêm</i>	<i>1.003.041</i>	<i>1.003.041</i>	<i>1.028.967</i>	<i>102,58%</i>
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

Ghi chú: (*): Đối với chỉ tiêu thu NSDP, so sánh dự toán năm 2020 với ước thực hiện năm 2019; Đối với chỉ tiêu chi NSDP, so sánh dự toán năm 2020 với dự toán năm 2019